

NGHỆ THUẬT TẠO TÁC VÀ ĐIỀU KHIỂN QUÂN RỐI TRONG BIỂU DIỄN MÚA RỐI NƯỚC

I NGUYỄN VĂN ĐỊNH

Email: nguyenvandinh1972@gmail.com
Trường ĐH Sư phạm Nghệ thuật TW

I CAO XUÂN THU

Email: caoxuanthu@spnttw.edu.vn
Trường ĐH Sư phạm Nghệ thuật TW

THE ART OF CREATING AND CONTROLLING PUPPETS IN WATER PUPPET PERFORMANCE

TÓM TẮT ↔ ABSTRACT

Múa rối nước là một loại hình văn hóa dân gian có tính tổng hợp cao. Nghệ thuật Múa rối nước được tạo nên bởi nhiều thành tố như: Quân rối, nghệ nhân, khán giả, phường hội, âm nhạc, văn học, trò diễn, buồng trò, sân khấu. Những thành tố này gắn kết chặt chẽ với nhau tạo nên những tiết mục rối sinh động cuốn hút người xem. Quân rối là một yếu tố quan trọng trong nghệ thuật Múa rối nước. Để tạo ra những quân rối xinh xắn, ngộ nghĩnh biểu diễn trên mặt nước, người nghệ nhân không chỉ là những thợ tạc tượng đơn thuần, mà họ phải sống với nghề rối, rất hiểu và nắm bắt rất kỹ các kỹ thuật về rối. Bên cạnh đó, máy rối cùng với nghệ nhân điều khiển là yếu tố quyết định cho sự chuyển động linh hoạt của quân rối cũng như tính đặc sắc, đặc trưng của các phường rối.

Từ khóa: Múa rối nước, Nghệ thuật Múa rối nước, Quân rối, Máy rối, Nghệ nhân

Water puppetry is a type of folklore with high synthesis. The art of Water Puppetry is made up of many elements such as puppets, artists, spectators, guilds, music, literature, performances, chambers, and stages. These elements are closely linked to create vivid puppet shows that attract viewers. Puppetry is an important element in the art of Water Puppetry. To create cute and funny puppets performing on the water, the artists are not just mere statue sculptors, but they have to live with puppetry, understand and grasp very carefully the techniques of puppetry. Besides, the puppetry machine together with the operator is the decisive factor for the flexible movement of puppets as well as the uniqueness and characteristics of the puppets.

Keywords: Water puppetry, Water puppetry art, Puppet troops, Puppet machines, Artisans

1. Mở đầu

Theo các nhà nghiên cứu, Múa rối nước từ khi ra đời đến nay đã chừng hơn 10 thế kỷ, là một loại hình sân khấu dân gian đặc sắc của người Việt. Chứng cứ bằng văn tự đầu tiên ghi chép về múa rối nước Việt Nam được tìm thấy tại bia Sùng Thiện Diên Linh (chùa Long Đọi Sơn, tỉnh Hà Nam), dựng năm 1121 hiện vẫn còn.

Múa rối nước là sản phẩm sáng tạo của người nông dân trong cuộc sống lao động, chinh phục tự nhiên. Nghệ thuật Múa rối có ở nhiều quốc gia, nhưng Múa rối nước thì chỉ có duy nhất ở Việt Nam. Trong nghệ thuật Múa rối nước thì yếu tố quân rối và kỹ thuật điều khiển đóng vai trò hết sức quan trọng. Bởi những quân rối với những kỹ thuật biểu diễn tài tình là nhân tố cuốn hút người xem đến với loại hình nghệ thuật sân khấu này. Đặc thù biểu diễn dưới nước đã

tạo cho những con rối những nét riêng, độc đáo về mặt trình diễn mà còn cả về phương thức tạo tác.

2. Nghệ thuật tạo tác và điều khiển quân rối nước

2.1. Tạo tác quân rối

Quân rối chính là sản phẩm của nghệ thuật điêu khắc dân gian, hầu hết các quân rối đều được thể hiện theo kiểu điêu khắc tượng tròn bằng gỗ với những kích cỡ khác nhau. Các quân rối nước rất mộc mạc, giản dị, giàu tính hiện thực với nhiều biểu cảm có tính tượng trưng cao. Mỗi một phường rối thì lại có cách tạo hình quân rối khác nhau mang phong cách riêng.

Để làm ra một con rối thì công việc đầu tiên mà các nghệ nhân phải làm là phải chọn chất liệu thể hiện. Các con rối thường được làm bằng gỗ, nhưng phải chọn loại gỗ phù hợp, đó là phải nhẹ, nổi được trên mặt nước, dẻo dai chịu được nắng mưa. Nếu làm

bằng gỗ tốt nhưng nặng thì quân rỗi sẽ bị chìm dần đến không biểu diễn được. Loại gỗ hay được chọn để làm quân rỗi là gỗ sung, gỗ bồ đề. Ngoài chất liệu cơ bản là gỗ ra các nghệ nhân có thể tận dụng những vật dụng có sẵn trong cuộc sống như: dây điện, cao su, ống sắt, tre, nứa để tạo ra các con rỗi ngộ nghĩnh.

Khi muốn tạo ra một quân rỗi nào đó, thì các nghệ nhân phải phác họa nhân vật đó ra giấy, sau đó mới bắt đầu đục quân rỗi. Kích thước con rỗi phải được tính toán cẩn thận để làm sao khi hoàn thành quân rỗi phải đẹp và có tính cách phù hợp với nhân vật. Quá trình tạo tác quân rỗi, các nghệ nhân đồng thời cũng phải tư duy luôn về cả hệ thống máy móc điều khiển, để làm sao khi hoàn thành quân rỗi phải cử động thật linh hoạt và tự nhiên.

Để quân rỗi cử động được, các nghệ nhân thường đục quân rỗi thành ba phần riêng biệt: đầu - mình - đế máy, chứ không đục thành một khối liền. Khi tạo quân rỗi thì phần đầu bao giờ cũng là phần quan trọng và mất thời gian nhất. Các nghệ nhân phải rất cẩn thận tỉ mỉ đục, gọt những chi tiết nhỏ và khó của quân rỗi như mắt, mũi, mồm, tai... để làm sao có một khuôn mặt rỗi sinh động, biểu cảm thể hiện được tính cách của nhân vật. Phần thân rỗi khi biểu diễn bị ngập nhiều trong nước, do vậy làm đơn giản. Chuyển động của quân rỗi lấy toàn thân là chính; cử động nửa người ít thể hiện, chỉ khi thật cần thiết như nhân vật đi cây mới phải cúi gập mình xuống rồi lại ngẩng lên. Ở những quân rỗi có thân hình dài như con rồng, con cá hay ở quân rỗi thân nằm trên mặt nước như con rùa, con vịt thì không có đế. Đế là phần chìm dưới mặt nước giữ cho con rỗi nổi bên trên và là nơi lắp máy điều khiển. Đế vừa làm phao, vừa chịu sức nước cản khi di chuyển để tự xoay chuyển làm cho quân rỗi gắn ở bên trên xoay chuyển theo. Đối với quân rỗi cần xoay chuyển theo sự điều khiển của nghệ nhân thì đế là nơi bố trí các điểm tựa của các dây dùng kéo giạt cho các bộ phận trong thân của quân rỗi cần cử động, xoay chuyển theo ý muốn của nghệ nhân.

Quân rỗi đã tạo xong hình dáng thì phần đầu và thân lại được bổ đôi ra để khoét vơi ruột đi chỉ để lại độ dày khoảng 8 mm. Sau khi đã phơi khô, các nghệ nhân dùng sơn ta quét bên trong quân rỗi. Sơn ta là loại sơn có độ bền, dẻo dai, đàn hồi cao rất phù hợp với điều kiện khí hậu của nước ta; khi gỗ được quét sơn này thì rất cứng và rắn giúp cho gỗ không bị mối mọt, ít vỡ nứt, không bị ngấm nước. Công đoạn này làm xong, các nghệ nhân lắp ráp máy vào trong quân rỗi, sau đó hai mảnh con rỗi được ghép lại với nhau. Các quân rỗi lại đem phơi thật khô một lần nữa sau đó dùng giấy ráp đánh cho thật nhẵn. Công đoạn tiếp theo của việc tạo con rỗi là sơn bên ngoài con rỗi, đầu tiên là phải sơn một lớp sơn ta phủ khắp con rỗi, để khô, sau đó phủ lên một lượt sơn thép có tác dụng như

một lớp bạc. Cuối cùng là sơn màu con rỗi, lớp sơn này các nghệ nhân tùy thuộc vào từng quân rỗi mà chọn màu sơn cho phù hợp với đặc điểm tính cách nhân vật. Quân rỗi càng hoàn hảo, càng giúp cho kỹ thuật điều khiển được nâng cao, khả năng biểu đạt theo ý đồ của nghệ nhân được phong phú. Ở rỗi nước, quân rỗi không gần tay người điều khiển như ở rỗi cạn, rỗi tay, rỗi que. Mỗi một phường rỗi thường có một số quân rỗi đặc trưng. Chẳng hạn phường Nguyễn và phường Đông (trên cùng huyện Đông Hưng của tỉnh Thái Bình) đều có quân Tễu, song quân Tễu của mỗi phường một khác. Quân Tễu của phường Đông là một chàng thợ cày béo tròn, mình trần vận khố, da dẻ hồng hào, nom thật ngộ nghĩnh, lúc nào cũng vui. Quân Tễu của phường Nguyễn thì cao to hơn, nét mặt nghiêm trang, hiền hậu. Cùng vào vai ông lão, ông lão chẵn vệt của phường Phú Đa (Hà Nội) vận mỗi chiếc khố tòi tàn, mình trần, để lộ hai dãy xương sườn, xương sống nổi cao, hai tay buông thõng, dáng mệt mỏi, khuôn mặt gầy gò; còn ông lão của phường Đào Thục (Hà Nội), vai vác cuốc, tay xách ấm nước ra đồng, trông thật tươi vui; ông lão chẵn bờ phường Nguyễn râu tóc bạc phơ, da dẻ thâm hồng, trông thật phúc hậu [2, tr.70-71].

Kho tàng quân rỗi nước cổ truyền có nhiều loại nhân vật như những người đi cày, đánh cá, hái củi, chèo thuyền, những chị dệt vải, giã gạo, xay thóc, những tay đô vật lực lưỡng, những ông già bà lão, các em nhỏ nghịch ngợm, những tên giặc cướp hung dữ và có cả loài vật như con rồng, con rùa, con trâu, con cáo, con vịt, con cá... Để làm ra một con rỗi tinh tại, đối với bất cứ nhà điêu khắc chuyên nghiệp nào, đây đều là một việc không khó; nhưng để tạo ra một con rỗi có thể cử động được trên mặt nước thì không phải ai cũng làm được [7, tr.39].

2.2. Máy rỗi và kỹ thuật điều khiển

Trong biểu diễn Múa rỗi nước, những quân rỗi xinh xắn cử động, di chuyển linh hoạt được trên mặt nước là do hệ thống điều khiển hay còn gọi là máy rỗi. Việc chế tạo ra những máy rỗi có một vai trò hết sức quan trọng. Đây chính là yếu tố để tạo nên sự khác biệt và chất lượng biểu diễn của các phường rỗi.

Vì vậy, với mỗi phường rỗi máy rỗi bao giờ cũng được giữ gìn bảo vệ kỹ lưỡng để đảm bảo yếu tố tuyệt mật. Máy rỗi nói chung thường gồm hai phần có thể tách rời nhau, một phần được lắp cố định trong thân rỗi, để điều khiển các động tác tay, đầu; một phần ở bên ngoài là dây, sào để giữ và điều khiển quân rỗi di chuyển trên mặt nước. Khi biểu diễn chúng ta khó có thể nhìn thấy máy rỗi vì đã được giấu kín trong thân rỗi và chuyển động ngầm dưới mặt nước. Tùy thuộc vào đặc điểm và yêu cầu của từng con rỗi mà các nghệ nhân có thể sáng tạo ra các loại máy riêng. Người thợ tạc quân rỗi đồng thời cũng là người sáng tạo ra hệ

thống máy điều khiển rôi. Bởi vì, chỉ có họ mới hiểu được quân rôi dùng vào việc gì, cần phải hoạt động ra sao. Do vậy, những nghệ nhân làm được quân rôi không có nhiều, vì họ không phải những người tạc tượng đơn thuần, mà họ phải là những người sống với nghề rôi, rất hiểu và nắm bắt rất kỹ các kỹ thuật về rôi. Về sào, có người gọi là máy sào, máy cứng, máy kim, máy ngang... Khi con rôi được nghệ nhân điều khiển bằng sào thì người ta gọi là rôi sào. Con rôi được lắp với đầu một cây sào dài và thẳng. Nếu sào được làm bằng gỗ (như gỗ dẻ) thì tốt nhất. Song gỗ dẻ không dễ tìm; người ta dùng sào bằng tre, thường là tre đực. Cây tre thì làng nào cũng có, nhà nào cũng trồng. Tre là thứ dễ kiếm. Chiếc sào càng nhỏ thì càng tránh bớt được lực cản của nước. Có sào dài tới 4m, nhưng cũng có cái chỉ dài 0,6m, thông thường các sào dài từ 2m đến 3m. Sự dài ngắn của sào tùy thuộc vào kích cỡ và trọng lượng của con rôi và yêu cầu của trò diễn mà người nghệ nhân đảm nhiệm. Có loại sào chuyên dùng và loại sào đa dụng. Sào chuyên dùng chỉ dùng cho một trò, không dùng vào việc điều khiển con rôi ở tích trò khác. Trong trò “Nhi đồng hý thủy” (Trẻ em đùa nghịch nước) có bốn con rôi được tạo hình trong vai bốn em bé. Sào điều khiển bốn con rôi chỉ dài khoảng 0,7m. Ngoài việc dùng để điều khiển con rôi của trò diễn này, nó không được dùng để điều khiển quân rôi nào khác. Sào đa dụng thì khác. Trò “Câu ếch” vừa diễn xong, trong buồng trò, nghệ nhân liền tháo con rôi ra khỏi đầu sào, lắp tiếp ngay chiếc sào vào con rôi trong vai tướng giặc để diễn trò “Trả kiếm rùa vàng”. Khi con rôi cần phải thể hiện nhiều động tác phức tạp như thổi kèn, đánh trống thì người ta phải mắc thêm dây điều khiển động tác vào con rôi, nối dài tới tay ngài được gắn vào điều khiển chính. Trong trò diễn tả người thổi kèn, khi nghệ nhân dùng một tay xoay tay ngài thì hai dây điều khiển phụ cho sào sẽ kéo tay con rôi giờ kèn lên mồm con rôi. Khi nghệ nhân xoay tay ngài trở lại, hai dây điều khiển phụ sẽ kéo tay con rôi cầm kèn hạ xuống khỏi mồm con rôi. Cánh tay còn lại của nghệ nhân cầm sào sẽ đẩy con rôi ra xa hay kéo gần lại buồng trò. Xưa kia, các dây mắc để điều khiển động tác của con rôi nhằm trợ giúp cho sào điều khiển chính thường là dây gai, dây đay, dây tơ tằm; ngày nay người ta thường dùng dây cước [6, tr.158-161].

Dây thay cho sào điều khiển được gọi là máy dây, máy mềm, máy dọc. Phường rôi đóng hệ thống cọc ngầm dưới nước, từ buồng trò ra sân khấu. Máy dây dùng chung cho nhiều trò thường đi giữa sân khấu có hai cọc hai đầu và một dây chèo lớn mắc vòng hai đầu cọc, trên dây chèo, nghệ nhân buộc nhiều con rôi. Các con rôi này chỉ theo dây đi vào, nổi chìm lên xuống do nghệ nhân trong buồng trò co, kéo, nâng, ghìm, giật dây chèo. Đối với những trò như “Múa bát tiên”, “Múa sư tử”, phường Nguyễn phải dùng một bàn máy lớn gọi là cũi. Cũi được đóng bằng gỗ, đặt

trên chiếc nong (đạn bằng tre). Các con rôi có các dây nhỏ điều khiển để làm các động tác như giơ tay, xoay mình được bố trí sẵn trên mặt cũi. Dây chèo lớn dùng để đưa cũi ra vào [5, tr.421-422].

Nếu phường Nguyễn (Thái Bình) dùng dây chèo (làm bằng tre) thì phường Nứa (trước năm 2008 thuộc Hà Tây, nay thuộc Hà Nội), phường Bùi Xá (Bắc Ninh) dùng dây thép [2, tr.79].

Việc dùng dây điều khiển con rôi hoạt động trên mặt nước khó hơn việc dùng sào. Hoạt động của con rôi được điều khiển bằng dây không được đa dạng, phong phú, sinh động như hoạt động của con rôi được điều khiển bằng sào. Thế nhưng, có khi con rôi được điều khiển bằng dây lại gây được sự cuốn hút đặc biệt đối với người xem như trò “Mời trâu” của phường Phú Đa, phường Yên Thôn (nay đều thuộc Hà Nội), trò “Cưỡi cá dăng hoa” của phường Nam Chấn (Nam Định), trò “Rước kiệu” của phường Nguyễn [6, tr.166-168].

2.3. Nghệ nhân điều khiển quân rôi

Trong nghệ thuật Múa rôi nước điều quan trọng để cho các quân rôi biểu diễn có hồn trên mặt nước chính là các nghệ nhân điều khiển. Các nghệ nhân đứng sau rèm, ngâm mình dưới nước điều khiển quân rôi chuyển động với tài năng, nhiệt huyết của mình đã tạo nên những trò rôi hết sức sinh động, cuốn hút người xem.

Nghệ nhân tham gia phường rôi là những người nông dân, nhiều người đã đứng tuổi. Ở phường Phú Đa, nghệ nhân Nguyễn Khắc Thoa có biệt tài tạo quân rôi tướng Loa [90, tr.67]. Ở phường rôi Đông Bình, huyện Mỹ Đức (nay thuộc Hà Nội), năm 1949, các quân rôi bị giặc Pháp đốt sạch. Tháng 9 năm 1962, nhờ sự tích cực của cụ Dung và các cụ nghệ nhân khác, hơn 50 quân rôi đã được làm mới. Ở phường rôi Nam Giang (Nam Trực, Nam Định), nghệ nhân lão thành Nguyễn Văn Đỗ có tài tìm hiểu cái hay của các phường khác nhằm nâng cao trình độ của phường mình. Ở phường rôi nước Nam Chấn (Nam Trực, Nam Định), hai nghệ nhân Phan Văn Huyền và Phan Văn Hòe là hai chú cháu nhiều lần đạt giải nhất về tạc tượng. Ở phường rôi Chàng Sơn (huyện Thạch Thất, nay thuộc Hà Nội) trước kia có cụ lang Cơ tuy mù cả hai con mắt mà vẫn giỏi gọt đẽo quân rôi. Cụ làm rất nhanh và am hiểu những quân rôi do cụ đảm nhiệm. Cụ còn góp ý bình phẩm quân rôi do người khác làm bằng cách sờ bằng tay và cảm nhận. Trước những lời bình phẩm, góp ý của cụ, ai cũng chịu là giỏi. Ở phường rôi nước Yên Thôn (Thạch Xá, Thạch Thất, ngoại thành Hà Nội), xưa kia trụ sở của phường đặt ngay tại đình Yên Thôn. Ở đây cụ từ Ngôi vừa là người giữ đèn, vừa là cố vấn vừa là người coi sóc, bảo quản kho tàng, tài sản của phường. Ngoài các nghệ nhân có biệt tài về tạc tượng quân rôi, về việc bảo quản, quản lý tài sản,

lại có những nghệ nhân có biệt tài ứng phó trong những khi gặp “sự cố”. Phường Nam Chấn (Nam Định) có một nghệ nhân còn trẻ, nổi tiếng là hiểu thẳng và láu lỉnh. Đã có mấy lần các cụ định đuổi anh chàng này ra khỏi phường vì cái tính ham nói huyền thuyên. Ấy thế mà đã có lần anh chàng này đã giải nguy cho cả phường. Hôm đó, các cụ diễn trò treo cây cau. Con rối đang treo cây cau rất khéo, khán giả đang hò reo bông bụp một cái, con rối đứt dây ngã bổ từ trên cao xuống, các cụ tái mặt và khán giả thì ngờ gác không hiểu ra sao. Riêng anh chàng nghệ nhân trẻ đã bình tĩnh và dũng dạc nói lớn:

Đại hoàng bù lâu
Thằng bé treo lên cây cau
Ngã xuống vỡ đầu
Hắn chết!

Khán giả vỗ tay reo âm lên, cho là treo leo cau khéo quá, con rối ngã cứ như thật [8, tr. 154-164].

Những nghệ nhân biết nghề không được học nghề theo trường lớp, mà học theo lối truyền nghề, do sự tinh ý, sáng dạ, trông các bậc cha chú, đàn anh thực hiện mà bắt chước. Qua năm tháng, do quá trình làm đi làm lại nhiều lần mà họ thành nghề. Do cách học này, rất ít có người hiểu biết toàn diện về nghề. Họ không lấy nghề rồi làm kế sinh nhai. Nghề nghiệp chủ yếu của họ là làm ruộng, ngoài ra còn có thể làm nghề thủ công hoặc các nghề khác như buôn bán. Họ làm nghề rồi để được tự vui và đem đến cái vui cho người khác. Cũng có người tham gia phường hội chỉ để được dự phần khi tế tổ, khi phường làm các việc gác quân rối, gác máy điều khiển lên chỗ trên cao trong nhà cho cao ráo, chống ẩm mốc, mỗi xông hoặc khi đóng cọc dựng buồng trò ở giữa ao hồ; Khi họ gặp khó khăn hoặc cha già mẹ héo thì phường thăm hỏi. Đó là những “quyền lợi tinh thần” mà những người không biết nghề được hưởng. Còn về phía phường rối, khi kết nạp những người này tham gia, phường rối sẽ thu thêm phần đóng góp để tăng quỹ cho phường, có khi cũng vì cả nề chỗ thân quen. Có phường đông đến tới hàng trăm người nhưng thực sự biết nghề chỉ có khoảng 20-30 người [1, tr.41].

Các nghệ nhân sinh hoạt trong một phường hội. Người nhập phường phải trải qua một số nghi thức. Ở phường Bùi Xá (Bắc Ninh), người ta cắt cổ gà lấy tiết hòa rượu uống và người tham gia phải thề giữ bí mật của nghề. Ở phường Nguyễn (Thái Bình) có lời thề “Ai làm lộ bí mật cho người ngoài biết thì chết một đời cha ba đời con”. Lễ nhập phường hằng năm chỉ tổ chức vào ngày tế tổ. Sau khi đã được trùm phường nhận lời, tới ngày tế tổ, người xin vào phải khăn áo chỉnh tề, mang theo coi trâu chai rượu đến có lời với toàn phường. Nếu tất cả mọi người đồng ý thì người xin gia nhập sẽ “uống máu ăn thề”, đóng góp quỹ phường, kể từ lúc đó người này được coi là thành

viên. Quỹ của phường rối chủ yếu gồm phần tiền hoặc thóc đóng góp của các thành viên; ngoài ra còn có phần hoa lợi do quỹ này sinh ra như tậu vài sào ao vừa để thả cá, vừa để làm ao diễn như phường Rạch (Nam Định). Ở phường Phú Đa (Hà Tây cũ, nay thuộc Hà Nội), quỹ phường rối có phần quyền cúng của những người có hảo tâm. Ở phường Bùi Xá (Bắc Ninh), vợ chồng ông lý Đán không có con, trước khi chết đã góp ruộng cho phường gọi là ruộng hậu; hằng năm phường rối cúng giỗ vợ chồng ông lý và thu hoa lợi từ ruộng hậu để chi dùng [4, tr.385-386].

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, phường Đào Thục (Hà Nội) được các hào trưởng, lý dịch, chức sắc của làng cung cấp tiền [7, tr.64]. Mỗi một phường có một ông trùm trông coi mọi việc; một số phường còn cử thêm một vài người khác trông coi từng phần việc như giữ quỹ, giữ quân rối và máy móc. Các ông trùm là những người cao tuổi có nhiều công trong việc xây dựng phường hoặc đóng góp nhiều cho quỹ phường. Họ là người có uy tín trong làng xóm. Mỗi một phường thường có những đặc điểm và ưu thế riêng. Họ thường giữ bí mật nghề nghiệp. Có giữ được bí mật thì họ mới giành được những giải cao trong các cuộc đua tài giữa các phường. Nhà nghiên cứu Tô Sanh viết về việc giữ bí mật của mỗi phường rối như sau: “Ngày xưa có tục lệ thi đấu. Hội thi được tổ chức rất long trọng và điều đó làm cho các phường rối ráo riết tăng cường sự chuẩn bị của mình. Từng phường rối lần nào cũng cố tìm ra những trò mới, hay, khéo, lạ, chưa từng thấy, chưa từng có. (...) Trước khi thi đấu, các phường rối cũng có ý tìm do nhau, xem phường “anh” có gì, phường “tôi” ra sao, “biết người, biết của”, “biết địch, biết ta”, để mà hơn nhau một nước cờ, để mà lấn nhau một vài nước trước. Thế mới gọi là thi đấu... và để giật giải. Phường khác mà bắt thóp “tử” của mình hết thì “còn ra cái thể thống gì”, có mà xếp cờ, xếp trống thôi! Giá được giải nhất còn vinh dự chi cho bằng: Cờ rong, trống thúc, lọng che, và trên kiệu được thưởng đó có đai, nhiều, lụa đỏ phủ lên các mâm cỗ đầy bánh tú ụ, đủ màu. Thế là trước khi thi đấu, phải cố mà nghĩ ra trò hay và phải giữ hết sức bí mật [8, tr.144].

Còn nhà nghiên cứu Nguyễn Huy Hồng thì lại cho biết một cách cụ thể về việc giữ bí mật ở một địa phương trước Cách mạng tháng Tám. Đó là làng Chuộc ở Thanh Hóa. Làng có 4 giáp, trong ngày hội làng, mỗi giáp phải diễn thi một vở rối cạn đề thờ Thành hoàng. Không phải năm nào làng cũng mở hội, mà chỉ mở vào những năm được mùa lớn. Như vậy, phải qua mấy năm mới có một cuộc thi. Do thi ăn giải nên trò diễn của mỗi giáp phải được xây dựng hết sức bí mật và chu đáo tới mức cao nhất. Trong ngày diễn thi, bốn giáp dựng bốn sân khấu trong sân đình. Mời quan địa phương về làm chủ khảo. Năm 1932, diễn ra cuộc thi lần cuối cùng. Tri phủ Đặng Cao Đệ

ARTS

đã chấm giải nhất cho tích trò Đinh Tiên Hoàng bình thập nhị sứ quân của Giáp Nhất. Lời phê (đánh giá) như sau:

Vạn quốc giao hòa
Tứ linh hiển thụ
Thái bình nghi vệ
Diễn xuất chân kỳ
Ứng cư đệ nhất giải.

Tích trò Vô già đại hội của Giáp Nhị được giải nhì. Đây là lời phê của viên giáo thụ (trương đương Trưởng phòng Phòng Giáo dục huyện hiện nay) tên là Thiều như sau:

Bát tiên thu thiên,
Tứ linh vũ lộng
Phật quả đoàn viên
Nhân quần ca tụng
Ứng cư đệ nhị giải.

Sau cuộc thi, các giáp mang quân rối, đạo cụ, sân khấu đốt hết [3, tr.98-101].

Một trường hợp cụ thể về việc giữ bí mật của múa rối cần nêu trên cũng có thể nói là tiêu biểu cho việc bảo mật của nghệ thuật rối nói chung.

Cho đến gần đây, nghệ nhân Nguyễn Văn Trách ở phường Đào Thục còn nhớ các cụ xưa thường dùng vải bạt hoặc bao tải bọc kín máy rối và họ bảo mật ngay cả với người cùng phường. Ở phường Phú Đa, nghệ nhân chỉ truyền lại tiết mục của mình cho người thân trong dòng họ. Ngay đến thời điểm năm 2009, các nghệ nhân ở đây vẫn bảo mật các trò rối của mình đối với cả những người trong cùng một phường hội. Khi nghệ nhân Nguyễn Hữu Ch không còn tham gia phường rối thì trò “Mèo đuổi chuột” của ông đã không truyền lại cho nghệ nhân nào khác. Do sức khỏe không cho phép, nghệ nhân Nguyễn Khắc T không thể tiếp tục điều khiển quân rối, ông chỉ truyền lại trò “Leo cột cấm cờ đốt pháo” cho hai người cháu của mình. [7, tr.66-67].

Năm 1976, nhà nghiên cứu Tô Sanh kể lại rằng, ở xã N.C đã có người bảo vệ ao rối, một đêm tối trời, đã chém đứt rời một cánh tay của một người lạ mặt đang đêm mò xuống ao xem trộm máy điều khiển rối. Ở xã N.X có hai anh em ruột, người anh là ông B là người của một phường rối sáng chế ra bộ máy điều khiển rối rất độc đáo và tài tình. Em ruột ông B là ông P, là thành viên một phường rối khác. Khi ông B ốm sắp mất, ông P đến van xin anh cho biết bí mật của trò ấy. Người anh nhất định từ chối [8, tr.144].

Trong mỗi một phường rối, có một số trường hợp mỗi nghệ nhân cố giữ bí quyết nghề nghiệp đối với trò chỉ cần một mình anh ta điều khiển. Còn đối với những trò cần nhiều người điều khiển thì các nghệ nhân rất

cần sự hợp tác, ăn ý. Phường rối nước làng Đông, ngoài có Tều giáo đầu còn có Tều hề, nhằm tạo không khí vui nhộn trong buổi diễn. Quân Tều này cần phải hai người điều khiển, một người cầm quân đồng thời phải chịu trách nhiệm điều khiển các động tác xoay người, gật đầu; một người điều khiển hai tay. Trò Chấn vịt cũng của phường Đông diễn tả cảnh cánh đồng quê thơ mộng với những cánh bướm bay rập rờn, một con rắn đang đuổi con ếch. Sân khấu vang lên lời mẹ ru con, con chưa ngủ, đàn vịt lại đòi ăn, người vợ phải bế cả đứa con lừa vịt ra đồng. Đàn vịt khoảng 10 con, có một con lạc chạy tách ra khỏi đàn; người vợ chạy theo dồn nó vào đàn. Con rắn xuất hiện đuổi bắt con vịt lạc; người vợ hô hoán lên, anh chồng xuất hiện đánh chết con rắn. Để thể hiện trò này cần đến 8 nghệ nhân; họ phải kết hợp với nhau thật hài hòa, sao cho con bướm bay phải nhịp nhàng, ếch vô bướm phải bay lên, ếch vô trượt mấy lần bướm bay mất; con vịt lạc chạy đến đâu, người vợ theo sát đến đó; con rắn như đang ra sức đua tốc độ với người vợ,... Trong trò Đánh cá, phường Đông diễn tả cảnh một đàn cá đang bơi lội, thỉnh thoảng có con cá vụng nhảy lên. Một con thuyền với hai vợ chồng người thuyền chài xuất hiện, vợ mặc yếm chèo thuyền, chồng cầm cần câu, cưỡi trần đóng khổ. Đàn cá bơi lội xung quanh, thấy nhiều cá quá, hai vợ chồng gọi thêm người ra bắt. Người úp nôm, người đánh xèo, người cầm rô xúc, tiếng đế náo nhiệt, tạo không khí rất hào hứng. Để thể hiện được trò này, ít nhất phải có 12 nghệ nhân dầm mình dưới nước để điều khiển; chỉ một người không nhịp nhàng là hỏng cả tích trò.

Trước Cách mạng tháng Tám, các phường rối chỉ kết nạp nam giới, không kết nạp nữ giới. Họ sợ rằng khi người phụ nữ lấy chồng làng khác sẽ làm lộ bí mật của phường. Ngoài ra, lúc diễn rối, phải dầm mình lội nước, công việc nặng nhọc không phù hợp với phụ nữ [1, tr.38]. Trước kia, buồng trò cũng là nơi các nghệ nhân thay trang phục sau khi ngâm mình lội nước điều khiển con rối. Một số nghệ nhân khi lội xuống nước còn không mặc quần áo. Trong một không gian quay kín chỉ khoảng 6m² mà lại có các sinh hoạt như vậy thì thật là bất tiện nếu như có cả nam và nữ, nhất là trong bối cảnh xã hội phong kiến trước kia [7, tr.92]. Tóm lại trước Cách mạng tháng Tám, phường rối không có nữ, đảm nhiệm việc hát xướng, thu chi tài chính đều do nam giới.

Nếu ở thời gian trước không có phụ nữ tham gia phường rối thì về sau đã có mặt của phái nữ, bởi những lý do dưới đây.

Trước kia, các nghệ nhân biểu diễn phải kiêm nhiệm nhiều công việc một lúc. Họ vừa diễn rối, vừa hát, đọc lời thoại, làm khâu thuật cho các nhân vật rối. Nhưng hiện nay, nhiều phường đã lập riêng một bộ phận đảm nhiệm chức năng âm thanh. Phường rối

Đào Thục có một tổ ở trên cạn phụ trách âm thanh và một tổ đảm nhiệm việc điều khiển quân rỗi ở dưới nước. Tổ ở trên cạn gồm những nghệ nhân nam, nữ hát chèo rất hay, có người sử dụng thành thạo nhạc cụ dân tộc. Ở phường rỗi Phú Đa cũng sớm hình thành một ban nhạc sòng; ban nhạc này có cả phụ nữ.

Kỹ thuật hiện đại đã tạo ra bộ quần áo cao su giúp cho nghệ nhân nữ không phải ngâm mình trực tiếp trong nước khi diễn rỗi. Vì vậy, việc vào buồng trò đề trực tiếp cầm sào, cầm gậy điều khiển quân rỗi đã được phụ nữ đảm nhiệm. Việc kết nạp nữ giới vào phường hội là sự đột phá so với luật lệ xưa kia. Sự thay đổi này cho thấy sự cải thiện về vị trí và vai trò của người phụ nữ trong gia đình, trong các tổ chức nghề nghiệp và tổ chức xã hội. Nam Chân là phường rỗi đầu tiên kết nạp nữ giới. Ở phường rỗi Nghĩa Hưng (Nam Định) có nữ nghệ nhân Trần Thị Nhị tham gia trực tiếp vào việc điều khiển con rỗi cùng các nghệ nhân nam. Ở phường Đào Thục có các nghệ nhân Nguyễn Thị Thỏ, Nguyễn Thị Thu trang, Nguyễn Thị Hà đảm nhận công việc tương tự [7, tr.87,91-92].

3. Kết luận

Nghệ thuật Múa rỗi nước dân gian là một trong những tài sản văn hóa độc đáo, hấp dẫn trong kho tàng di sản văn hóa Việt Nam. Múa rỗi nước đã trải qua những thăng trầm, có lúc suy tàn tưởng như đã mất rỗi, nhưng sau đó lại được phục hồi phát triển. Điều đó khẳng định sức sống cũng như giá trị văn hóa to lớn của Múa rỗi nước đối với văn hóa Việt Nam. Múa rỗi nước mang bản sắc, hồn cốt của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ, là niềm tự hào của người Việt Nam trong quá trình giao lưu và hội nhập văn hóa. Việc bảo tồn và phát huy những giá trị của Múa rỗi nước là một công việc quan trọng trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huy Hồng (1987), *Nghệ thuật Múa rỗi nước Thái Bình, tái bản, Sở Văn hóa và Thông tin Thái Bình (In lần đầu 1977)*
2. Nguyễn Huy Hồng (1996), *Rối nước Việt Nam, Nxb Sân khấu, Hà Nội.*
3. Nguyễn Huy Hồng (2005), *Lịch sử nghệ thuật Múa rỗi nước Việt Nam, Nxb Sân khấu, Hà Nội.*
4. Nguyễn Huy Hồng (2007), *Diễn xướng dân gian và nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam, Nxb Sân khấu, Hà Nội.*
5. Nguyễn Huy Hồng (2007), *Nghệ thuật Múa rỗi, Nxb Sân khấu, Hà Nội.*
6. Nguyễn Thành Nhân (2006), *Nghệ thuật Rối và một số đặc trưng của sân khấu Rối Việt Nam, Nxb Sân khấu, Hà Nội,*
7. Vũ Tú Quỳnh (2014), *Rối nước châu thổ Bắc Bộ sự phục hồi từ đổi mới đến nay, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.*
8. Tô Sanh (1976), *Nghệ thuật Múa rỗi nước, Nxb Văn hóa, Hà Nội.*